TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2024/DS-PT
Ngày: 08-5-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Linh và ông Nguyễn Ngọc Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Châu Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2024/TLPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 98/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1957; nơi cư trú: khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Thái B, là Luật sư - Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh A. Địa chỉ: tổ D, khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. (Có mặt)

- Bị đơn: 1. Bà Hồ Thị Tuyết M, sinh năm 1992. (Có mặt)

2. Bà Đặng Thị L, sinh năm: 1956. (Có mặt)

Cùng cư trú: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1965; nơi cư trú: khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 28/11/2023). (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Kim P trình bày:

Do quan hệ thông gia nên bà Nguyễn Kim P có cho bà Đặng Thị L và bà Hồ Thị Tuyết M vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Lần 1: ngày 05/8/2022 vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 0,8%/tháng, thời hạn 10 tháng từ ngày 05/8/2022 đến ngày 05/8/2023.

- Lần 2: ngày 28/8/2022 vay số tiền 1.700.000.000 đồng, lãi suất 0,8%/tháng, thời hạn 12 tháng từ ngày 28/8/2022 đến ngày 28/8/2023.

- Lần 3: ngày 28/4/2023 vay số tiền 2.200.000.000 đồng và vay thêm 50.000.000 đồng để bà M và bà L đóng lãi ngân hàng, tổng cộng là 2.250.000.000 đồng, lãi suất 0,8%/tháng, thời hạn 01 tháng từ ngày 28/4/2023 đến ngày 28/5/2023.

Cả ba lần vay đều thỏa thuận trả vốn và lãi khi đến hạn, do chỗ thân tình nên khi vay các bên không làm biên nhận. Sau khi vay thì bà M và bà L không thực hiện theo thỏa thuận nên bà Phước nhiều lần yêu cầu bà M và bà L thanh toán số nợ. Ngày 28/4/2023 bà M và bà L làm biên nhận ba lần vay với số tiền 4.250.000.000 đồng và hẹn ngày 28/5/2023 sẽ trả lại số tiền trên, nhưng đến khoảng tháng 5/2023 thì bà L chỉ trả được số tiền 31.000.000 đồng và còn nợ 4.219.000.000 đồng. Đến ngày 28/5/2023 bà M và bà L vẫn không trả số nợ nên bà Phước yêu cầu bà M và bà L làm 03 biên nhận, bà M và bà L đồng ý ký tên 03 biên nhận.

Bà Nguyễn Kim P khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị L và bà Hồ Thị Tuyết M trả số tiền vay gồm gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/11/2023 như sau:

- Vốn và lãi đối với lần vay tiền thứ nhất: số tiền 300.000.000 đồng từ ngày 05/8/2022 đến ngày 05/8/2023, lãi suất là 0,8%/tháng. Lãi trong hạn là 28.800.000 đồng, lãi quá hạn tạm tính từ ngày 06/8/2023 đến ngày 06/11/2023 là 03 tháng, số tiền 10.800.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 339.600.000 đồng.

- Vốn và lãi đối với lần vay tiền thứ 2: số tiền 1.700.000.000 đồng từ ngày 29/7/2022 đến ngày 29/7/2023, lãi suất là 0,8%/tháng. Lãi trong hạn là 163.200.000 đồng, lãi quá hạn tạm tính từ ngày 30/7/2023 đến ngày 06/11/2023 là 03 tháng 06 ngày, số tiền 65.280.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 1.928.480.000 đồng.

- Vốn và lãi đối với lần vay tiền thứ 3: số tiền 2.219.000.000 đồng từ ngày 28/4/2023 đến ngày 28/5/2023, lãi suất là 0,8%/tháng. Lãi trong hạn là 17.752.000 đồng, lãi quá hạn tạm tính từ ngày 28/4/2023 đến ngày 06/11/2023 là 06 tháng 07 ngày, số tiền 165.971.200 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 2.402.733.200 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi của 03 lần vay tạm tính đến ngày 06/11/2023 bà L và bà M còn nợ bà Phước là 4.670.813.200 đồng. Bà Phước yêu cầu bà M và bà L thanh toán số nợ trên, tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh là 1,2%/tháng từ ngày 07/11/2023 đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

* Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Đặng Thị L và bà Hồ

Thị Tuyết M nhưng bà Đặng Thị L và bà Hồ Thị Tuyết M đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thu thập chứng cứ trong vụ án dân sự thụ lý số 74/2023/TLST-DS ngày 19/6/2023.

- Tại bản sao y tờ tự khai ngày 31/7/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm bà Đặng Thị L trình bày: bà Đặng Thị L thừa nhận chỉ nợ bà Nguyễn Kim P số tiền 4.200.000.000 đồng nhưng bà Phước kiện bà số tiền 4.250.000.000 đồng là không đúng. Bà Đặng Thị L trình bày trước đây bà có vay của bà Nguyễn Kim P số tiền 540.000.000 đồng, bà đã trả vốn xong và trả lãi được 31.000.000 đồng nhưng bà Nguyễn Kim P yêu cầu bà trả số tiền lãi là 50.000.000 đồng nên gắn ghép số tiền 50.000.000 đồng này vào 03 hợp đồng thành 4.250.000.000 đồng.

Đối với số tiền vay 300.000.000 đồng là tiền hụi bà Nguyễn Kim P hốt chót được 180.000.000 đồng, cộng với 120.000.000 đồng là tiền lãi của số tiền 1.700.000.000 đồng, bà Nguyễn Kim P buộc bà làm hợp đồng vay số tiền 300.000.000 đồng.

Ngày 28/11/2022 bà vay của bà Nguyễn Kim P số tiền 2.200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 10,5%/năm, bà đã trả lãi cho bà Nguyễn Kim P được số tiền 127.000.000 đồng, nay bà Nguyễn Kim P yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 12%/năm bà không đồng ý.

Đối với số tiền 1.700.000.000 đồng bà vay của bà Nguyễn Kim P ngày 28/8/2022, thời hạn vay 12 tháng, thỏa thuận lãi suất 0,8%/tháng. Chưa kết thúc hợp đồng bà Nguyễn Kim P khởi kiện bà là không đúng.

- Tại bản sao y tờ tự khai ngày 03/8/2023 bà Hồ Thị Tuyết M trình bày: bà là con ruột của bà Đặng Thị L và là con dâu của bà Nguyễn Kim P, việc giao dịch vay tiền là giữa bà Đặng Thị L và bà Nguyễn Kim P, bà hoàn toàn không biết và không liên quan.

Bà xác nhận có ký tên vào các biên nhận vay tiền ngày 05/8/2022 số tiền 300.000.000 đồng, ngày 28/8/2022 số tiền 1.700.000.000 đồng, biên nhận ngày 28/4/2023 số tiền 4.250.000.000 đồng, biên nhận ngày 28/5/2023 số tiền 2.200.000.000 đồng nhưng do bà là con dâu của bà Nguyễn Kim P nên khi bà Nguyễn Kim P yêu cầu bà ký tên thì bà ký cho vừa lòng mẹ chồng, còn thực sự bà không vay tiền bà Nguyễn Kim P.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Thanh Đ (là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn M) trình bày không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Hồ Thị Tuyết M không vay tiền của bà Phước, nhưng có ký tên vào các biên nhận là do bị bà Phước ép buộc.

* Tại Bản án số 05/2024/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim P.

Buộc bà Đặng Thị L và bà Hồ Thị Tuyết M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Kim P số tiền vốn gốc là 4.219.000.000đ (bốn tỷ hai trăm mười chín triệu

đồng) và tiền lãi là 498.148.000 đồng (bốn trăm chín mươi tám triệu một trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (1,2%/tháng).

Về án phí sơ thẩm: Bà Đặng Thị L và bà Hồ Thị Tuyết M phải chịu 112.717.000 đồng (một trăm mười hai triệu bảy trăm mười bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào cùng ngày 01/02/2024 bị đơn bà Đặng Thị L và bà Hồ Thị Tuyết M kháng cáo không chấp nhận quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư Phạm Thái B trình bày: Xuất phát từ mối quan hệ thông gia, mẹ chồng con dâu thì mới có việc cho vay. Việc bà L trực tiếp hỏi vay bà Phước thì rất ngại nên chỉ khi có con dâu lên tiếng thì bà Phước mới cho vay vì bà M ở chung với bà Phước. Bà M cho rằng không có nghĩa vụ đối với số tiền vay là hoàn toàn không có cơ sở, bởi vì tại phiên tòa phúc thẩm bà L, bà M thừa nhận bà Phước có chuyển khoản số tiền 1.700.000.000 đồng vào tài khoản của bà M, bà L thừa nhận con gái vay cho bà L làm ăn, trong các hợp đồng vay tiền và giấy xác nhận nợ vay thì cả bà L và bà M cùng ký tên chỗ người vay chứ không phải bà M ký là người làm chứng và cũng không phải bị ép buộc ký, không thể nói rằng bà M không là người sử dụng số tiền này mà vay cho bà L sử dụng thì không có trách nhiệm liên đới. Do đó, bản án sơ thẩm buộc trách nhiệm liên đới của bà M và bà L đối với số tiền vay 4.250.000.000 đồng và lãi suất là toàn có căn cứ và đúng pháp luật. Đề nghị, Hội đồng xét xử, không nhận yêu cầu kháng cáo của bà L và bà M. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà L cho rằng chỉ vay bà Phước 4.200.000.000 đồng và là trách nhiệm của cá nhân bà L, không liên quan đến bà M, nhưng thừa nhận bà Phước có chuyển khoản vào tài khoản cho bà M 1.700.000.000 đồng. Bà M cho rằng việc bà L vay tiền của bà Phước không liên quan đến bà và ký vào các hợp đồng vay tài sản, giấy xác nhận vay tiền là do bà Phước yêu cầu ký. Bà L và bà M không cung cấp được chứng cứ gì mới tại giai đoạn phúc thẩm.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên

tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng các nguyên tắc, phạm vi xét xử, thành phần và sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa được đảm bảo đúng pháp luật của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Bà Nguyễn Kim P và bà Đặng Thị L có mối quan hệ thông gia, bà Hồ Thị Tuyết M là con dâu của bà Phước. Bà Phước khởi kiện bà L và bà M căn cứ vào 03 hợp đồng vay tài sản ngày 05/8/2022 số tiền vay 300.000.000 đồng, ngày 28/8/2022 số tiền vay 1.700.000.000 đồng, ngày 28/5/2023 số tiền vay 2.200.000.000 đồng và vay thêm 50.000.000 đồng để đóng lãi ngân hàng, được tổng cộng tại Giấy xác nhận vay vốn ngày 28/4/2023 số tiền là 4.250.000.000 đồng do bà L và bà M cùng ký tên. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ cho bà Phước với tư cách cá nhân. Yêu cầu Tòa án không buộc trách nhiệm liên đới của bà M. Bà M cho rằng không biết việc vay tiền của bà L, nhưng khi bà Phước cho bà L vay tiền đều liên quan tới bà M như chuyển tiền qua tài khoản của bà M, việc bà Phước thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay ngân hàng lấy tiền đưa cho bà L thì bà M cũng biết. Bà M cũng đã ký tên trên 03 hợp đồng vay tài sản và Giấy xác nhận vay vốn ngày 28/4/2023 số tiền vay là 4.250.000.000 đồng là tự nguyện, không ai ép buộc.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà L và bà M liên đới trả nợ cho bà Phước là có căn cứ. Bà L và bà M kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới nên không có cơ sở để xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị L và bà Hồ Thị Tuyết M. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Đặng Thị L và bà Hồ Thị Tuyết M kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tuy nhiên, bà L và bà M kháng cáo thì mỗi người phải nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ thông báo nộp chung tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng là chưa phù hợp nên cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Bà Nguyễn Kim P cho bà Đặng Thị L và bà Hồ Thị Tuyết M vay tổng cộng số tiền là 4.250.000.000 đồng (Bốn tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) được chứng minh tại các hợp đồng vay tài sản ngày 05/8/2022, ngày 28/8/2022, ngày

28/5/2023 và được tổng cộng số tiền vay tại Giấy xác nhận vay vốn ngày 28/4/2023 đều có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Kim P và bà Đặng Thị L, bà Hồ Thị Tuyết M. Sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Kim P và bà Đặng Thị L, bà Hồ Thị Tuyết M là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận không trái đạo đức xã hội nên được xem là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Đặng Thị L và bà Hồ Thị Tuyết M chỉ thanh toán cho bà Phước được số tiền 31.000.000 đồng nên đã vi phạm thỏa thuận thanh toán. Do đó, bà Nguyễn Kim P yêu cầu bà Đặng Thị L và bà Hồ Thị Tuyết M trả số tiền còn nợ tổng cộng 4.219.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Đặng Thị L cho rằng chỉ vay của bà Nguyễn Kim P tổng số tiền là 4.200.000.000 đồng chứ không phải 4.250.000.000 đồng, đồng thời thừa nhận đối với số tiền 1.700.000.000 đồng là bà Phước chuyển khoản vào tài khoản của bà M nên số tiền này là trách nhiệm chung, còn lại là trách nhiệm cá nhân của bà L vay. Bà L tự nguyện chịu trách nhiệm cá nhân trả cho bà Phước toàn bộ số tiền mà bản án sơ thẩm đã tuyên, không liên quan đến trách nhiệm của bà M. Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì bà không liên quan đến việc vay tiền giữa bà Phước và bà L, bà không sử dụng số tiền bà Phước cho vay, do bà là con dâu nên bà Phước yêu cầu bà ký tên vào các hợp đồng vay tiền và giấy xác nhận vay thì bà ký cho vừa lòng bà Phước. Lời trình bày của bà L và bà M không được bà Phước thừa nhận, bà Phước cũng không đồng ý bà L chịu trách nhiệm cá nhân, bà Phước cũng không ép buộc bà M ký tên. Bà L và bà M không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất tiền vay: Tại các hợp đồng vay tiền các đương sự có thỏa thuận thời hạn vay và lãi suất vay. Bà Phước yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất thỏa thuận là 0,8%/tháng, tính lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất trong hạn theo hợp đồng là phù hợp với quy định pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tính số tiền lãi theo các hợp đồng vay tiền buộc bà L và bà M trả cho bà Phước tiền lãi là 498.148.000 đồng (bốn trăm chín mươi tám triệu một trăm bốn mươi tám ngàn đồng) là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Đặng Thị L và bà Hồ Thị Tuyết M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Kim P số tiền vốn gốc là 4.219.000.000đ (bốn tỷ hai trăm mười chín triệu đồng) và tiền lãi là 498.148.000 đồng (bốn trăm chín mươi tám triệu một trăm bốn mươi tám ngàn đồng) là hoàn toàn có căn cứ. Bà M và bà L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, bà M. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bị buộc trả nợ nên bà L và bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bà L là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án nhưng tại cấp sơ thẩm bà L không có đơn xin miễn

án phí dân sự sơ thẩm nên cấp sơ thẩm buộc bà L và bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Tại cấp phúc thẩm bà L cũng không có đơn xin miễn án phí dân sự phúc thẩm. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L, bà M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị L và bà Hồ Thị Tuyết M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim P.

Buộc bà Đặng Thị L và bà Hồ Thị Tuyết M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Kim P số tiền vốn gốc là 4.219.000.000đ (Bốn tỷ hai trăm mười chín triệu đồng) và tiền lãi là 498.148.000 đồng (Bốn trăm chín mươi tám triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (1,2%/tháng).

Về án phí sơ thẩm: Bà Đặng Thị L và bà Hồ Thị Tuyết M phải chịu 112.717.000 đồng (Một trăm mười hai triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Bà Đặng Thị L và bà Hồ Thị Tuyết M mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004459 ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Bà Đặng Thị L và bà Hồ Thị Tuyết M phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thị Minh Tâm